

Phẩm Thứ 2: THÀNH LẬP TÔNG

Giải thích: Có người nghi pháp Đại thừa này chẳng phải do Phật nói. Nếu vậy thì vì sao lại có được những công đức ấy? Nay, tôi phá bỏ tám lưới ngờ vực, thành lập Đại thừa thật là do Phật nói, bằng bài kệ sau:

*Không nhớ, cũng đồng hành,
Không hành cũng thành tựu.
Thể, phi thể năng trị,
Văn lạ, tám nhân thành.*

Giải thích: Lược: có tám nhân duyên thành lập giáo pháp Đại thừa:

1. Không ghi nhớ.
2. Cùng thực hành.
3. Không thực hành.
4. Thành tựu.
5. Thể.
6. Chẳng phải thể.
7. Năng trị.
8. Văn tự khác nhau.

1. *Không ghi nhớ:* là pháp trước, Phật sau mới chính thức ra đời. Nếu Đại thừa này chẳng phải chánh pháp, thì vì sao từ đầu, Đức Thế Tôn không thọ ký? Ví như pháp vị lai có khác thì Đức Thế Tôn thọ ký ngay. Do vậy, sự không thọ ký ấy, nên biết là Phật nói.

2. *Cùng thực hành:* thừa Thanh văn và Đại thừa không phải trước, không phải sau, mà là cùng lúc, thì làm sao ông biết giáo pháp Đại thừa này hoàn toàn chẳng phải Phật nói?

3. *Không thực hành:* là vì giáo pháp Đại thừa sâu rộng không phải điều mà người suy tính dẫn đo có thể tin được, huống là có thể thực hành. Các bộ luận của ngoại đạo không thể được sâu rộng? Cho nên không thực hành, vì thế biết giáo pháp Đại thừa này là Phật nói.

4. *Thành tựu:* là nếu ông nói: Do người khác đã chứng được Bồ-đề rồi, nói có Đại thừa, chứ không phải đợi đến nay Phật mới nói có giáo pháp Đại thừa. Nếu ông nghĩ lối chấp ấy, thì trở thành nghĩa của tôi rồi. Do người kia chứng Bồ-đề rồi thì cũng chính Đức Phật nói như thế.

5. *Thể:* là nếu ông nói: Phật khác có tự thể Đại thừa, còn Phật này không có tự thể Đại thừa. Nếu ông chấp như vậy thì nó cũng thành nghĩa của tôi, do tự thể của Đại thừa không có khác mà chỉ là một.

6. *Chẳng phải thể*: là nếu ông nói: Phật này không có tự thể Đại thừa, thì thừa Thanh văn cũng không có tự thể. Nếu ông nói thừa Thanh văn là do Phật nói nên có tự thể, còn Đại thừa vì không phải Phật nói cho nên không có tự thể. Lối chấp ấy quả là một sai lầm lớn. Vì nếu không có Phật thừa mà bảo có Phật ra đời nói thừa Thanh văn, thì lý ấy không đúng.

7. *Năng trị*: là do nương theo pháp này tu hành mà chứng được trí vô phân biệt, do trí vô phân biệt mà các phiền não bị phá tan. Do vậy, nên chẳng được nói là không có Đại thừa.

8. *Văn tự khác nhau*: là pháp Đại thừa rất sâu, không phải y như văn nghĩa. Không nên hoàn toàn chạy theo văn, lấy nghĩa, nói rằng không phải Phật nói. Hơn nữa, nếu ông nói: từ buổi đầu không thấy thọ ký Đại thừa, là vì Phật gác qua một bên với tâm vô công dụng. Nếu ông cứ chấp kiểu ấy là không đúng. Kệ rằng:

*Chư Phật ba nhân duyên,
Hiện thấy cũng hộ pháp.
Trí Như lai vô ngại,
Bỏ qua, không phải vậy.*

Giải thích: nếu bảo Đại thừa không phải Phật nói đó là một chướng ngại lớn. Chư Phật có ba nhân duyên, không thọ ký là:

1. Do trí vô công dụng hiện diện mãi là mắt thường thấy.
2. Vì thường siêng năng, chân chính giữ gìn chánh pháp.
3. Sức mạnh trí tuệ của Như lai không gì chướng ngại được. Do ba nhân duyên này mà ông lại bảo là bỏ qua, không ký là không đúng. Lại nữa, nếu ông nói có tự thể thì tự thể thừa Thanh văn là thể của Đại thừa. Vì sao? Vì thừa này chứng Đại Bồ-đề. Nếu ông chấp như thế thì nghĩa không đúng. Kệ rằng:

*Phi toàn phi, không trái,
Phi hành, chẳng dạy, trao,
Cho nên thừa Thanh văn,
Không phải là Đại thừa.*

Giải thích: có bốn nhân chẳng thể dùng: thừa Thanh văn làm thể của Đại thừa, bởi giáo lý không hoàn toàn, nên chẳng phải không trái nhau. Vì không phải là giáo pháp thực hành, bởi không có trao truyền nên chẳng phải hoàn toàn, nghĩa là: thừa Thanh văn không được dạy trao hạnh lợi tha, mà chỉ dạy trao cho họ tự mình chán ngán, xa lìa ham muốn mà giải thoát.

Chẳng phải không trái nhau: nếu bảo thừa Thanh văn lấy phương

tiện tự lợi để dạy trao cho người khác, tức là đã dạy trao hạnh lợi tha, thì nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì đem tự lợi an ổn cho kẻ khác, nhưng họ cũng phải tự cầu Niết-bàn siêng hành nhiều phương tiện, bởi vậy, không thể dùng công hạnh tự lợi này mà chứng Đại Bồ-đề được.

Chẳng thực hành là nếu ông nói rằng có thể chứng quả Đại Bồ-đề bằng cách thực hành lâu dài hạnh thừa Thanh văn thì nghĩa ấy không đúng, vì chẳng phải phương tiện, vì thừa Thanh văn không phải Đại Bồ-đề. Phương tiện thì không phải vì thực hành lâu năm. Và, không phải bất cứ phương tiện nào cũng có thể chứng quả Đại thừa, khác gì nặn sừng chờ sữa, không thể có được.

Chẳng phải là dạy trao như Đại thừa thì không có dạy trao thừa Thanh văn. Cho nên thừa Thanh văn không được gọi là Đại thừa. Hơn nữa, nay tôi sẽ chỉ cho ông rõ về nghĩa trái nhau ấy, qua bài Tụng sau:

*Phát tâm và dạy trao,
Phương tiện và giữ gìn,
Thời tiết hạ, thượng thừa,
Năm việc đều khác nhau.*

Giải thích: giữa Đại thừa và thừa Thanh văn, có năm thứ

trái

n

- hau:
1. Phát tâm khác nhau.
 2. Dạy trao khác nhau.
 3. Phương tiện khác nhau.
 4. Gìn giữ khác nhau.
 5. Thời tiết khác nhau.

Phương tiện của thừa Thanh văn là phát tâm, dạy trao, siêng hành

phương tiện đều là tự mình chứng được Niết-bàn. Giữ gìn chánh pháp cũng ít, phước trí chứa nhóm nhỏ hẹp. Thời hạn tu tập cũng ít, tối đa chỉ có ba đời, là được giải thoát. Còn Đại thừa thì không như vậy. Những phương tiện phát tâm, dạy trao, siêng tu đều vì lợi kẻ khác, giữ gìn giáo pháp cũng nhiều, phước trí chứa nhóm lớn lao. Thời kỳ tu đạo cũng lâu dài là trải qua ba đại A-tăng-kì kiếp, như vậy là tất cả trái nhau. Vì thế không nên dùng hạnh Tiểu thừa mà đạt quả Đại thừa.

Lại nữa, nếu ông nói lời Phật có ba tướng:

1. Chứng nhập Tu-đà-la.
2. Chỉ bày Tì-ni.
3. Chẳng trái với pháp không.

Ông dùng cái không tự tính của các pháp mà dạy trao thì trái với ba tướng nói trên, nên chẳng phải Phật nói. Nếu ông chấp như vậy, thì

không đúng lý. Kệ rằng:

*Nhập từ kinh Đại thừa,
Hiện tự phiền não diệt,
Nghĩa sâu xa rộng lớn,
Chẳng trái tự pháp không.*

Giải thích: nay pháp Đại thừa này cũng không trái với ba tướng, vì ngộ nhập từ Tu-đa-la Đại thừa hiện từ phiền não Tỳ-ni, do Bồ-tát đã phân biệt là phiền não, vì tính chất sâu rộng, sâu xa, đó là pháp không của Bồ-tát. Chẳng trái với pháp không này nên Bồ-tát chứng đại Bồ-đề. Thế nên, Đại thừa này không trái với ba tướng. Hơn nữa, trước đây đã nói về việc không thực hành, nay tôi sẽ chỉ bày thêm nghĩa này để ông tin hiểu nhận lãnh. Kệ rằng:

*Có nương và bất định,
Duyên tục cũng không khắp,
Lui khuất người dẫn đo,
Sao hiểu nghĩa Đại thừa?*

Giải thích: Có năm nhân duyên mà người suy tính dẫn đo kia không thể nhập vào cảnh giới Đại thừa là do trí tuệ họ có chỗ nương, bất định, duyên theo thế tục, do không được phổ biến, do lui bước, do khuất phục.

- Họ có nương nghĩa là trí phát sinh nhờ vào chỉ dạy, chứ chẳng phải chứng trí.

- Bất định là có lúc lại có trí khác phát sinh.

- Duyên theo tục là suy tính dẫn đo Thế đế, không theo kịp Nghĩa đế nhất đế.

- Không phổ biến là dù bám theo thế tục đế, nhưng hiểu nó rất ít, không hiểu tất cả.

- Thoái lui, khuất phục là do tranh cãi đến cùng cực thì đành im lặng. Còn Đại thừa thì không chấp chặt vào phần đầu cho đến không bao giờ bị, lui sụt khuất phục.

- Không lui sụt và chịu khuất phục thì trong vô lượng kinh, có đến hằng trăm, ngàn bài kệ nói pháp Đại thừa. Vì hiểu tận những pháp ấy cho nên tài ăn nói không cùng tận. Cho nên Đại thừa không phải là đối tượng của người suy tính dẫn đo.

Hỏi: ông nói thừa Thanh văn không phải là phương tiện chứng quả Phật Bồ-đề, nếu vậy thì nghĩa ra sao?

Kệ rằng:

Rộng lớn và sâu xa,

*Thành thực vô phân biệt,
Nói hai phương tiện này,
Tức là Thừa Vô thượng.*

Giải thích: Rộng lớn nghĩa là các thứ thần thông có được do phương tiện rất siêng năng, giúp cho các người tin hiểu.

Sâu xa là trí vô phân biệt. Vì khó thực hành theo thứ lớp một là thành thực chúng sinh, hai là thành thực Phật pháp. Tức nói hai pháp này là phương tiện đạt đến Bồ-đề Vô thượng. Hai phương tiện này là tự thể của Thừa Vô thượng.

Hỏi: Nếu vậy thì có người đâm ra hoảng sợ, lỗi ấy ra sao? Kệ rằng:

*Không nên sợ mà sợ,
Do sợ bị đốt cháy.
Sợ hãi dẫn phi phước,
Sinh lỗi lầm lâu dài.*

Giải thích: Nếu người không phải chỗ sợ hãi mà vọng sinh lo sợ thì kẻ ấy rơi vào đường ác bị lửa đốt cháy. Vì sao? Vì sự sợ hãi ấy, đưa đến chứa nhóm thật lớn cái chẳng phải phước. Do lỗi này khiến người ấy trải qua nhiều kiếp chịu nhiệt não lớn vô lượng.

Hỏi: Ngoài ra, kẻ ấy sinh tâm sợ hãi, còn lí do nào khác nữa không?

Kệ rằng:

*Phi tính, chẳng bạn pháp,
Tuệ ít, sức nhân ít,
Sợ pháp sâu mâu này,
Lui mất đại Bồ-đề.*

Giải thích: Nếu người sinh tâm sợ hãi là do bốn nhân duyên:

1. Chẳng phải chủng tính, do lìa tính Bồ-tát.
2. Không phải bạn pháp, do lìa thiện trí thức.
3. Sức mạnh trí tuệ ít ỏi do chưa hiểu nổi pháp không của Đại thừa.
4. Sức nhân ít ỏi do kiếp trước không gieo trồng gốc lành tự tính Ba-la-mật.

Do những nhân duyên ấy, nên chột sinh lòng sợ hãi đối với pháp sâu xa mâu nhiệm. Do tư tưởng đó nên đối với hai nhóm phước trí của Đại Bồ-đề, đáng lẽ được nhưng lại không được gì cả. Đó gọi là lui sụt.

Nay ông nên biết lỗi lui sụt ấy hết sức sâu nặng. Đã nói lỗi sợ hãi và nhân duyên sợ hãi, kể đây là, tôi sẽ nói về nhân duyên không

sợ hãi.

Kệ

rằng: *Không khác tức cùng không,
Có khác, tức chỗ hiểm,
Không dụ nói các thứ,
Nói tiếp, nói nhiều môn.
Không có, như văn nghĩa,
Thể Chư Phật sâu xa.
Người thông minh chánh quán,
Phải biết, không nên sợ.*

Giải thích: Không khác tức cả hai đều không. Nếu ông nói thừa Thanh văn tức Đại thừa vì thể tính chẳng khác với Đại thừa, nếu vậy thì thừa Thanh văn, Bích Chi Phật thừa lại không có tự thể. Vì sao? Vì được thành Phật. Và, như thế tất cả đều là Phật thừa, thì vì sao lại phải sợ hãi?

Có khác tức chỗ hiểm nghĩa là nếu ông cho Tiểu thừa có khác với thể của Đại thừa, thì thể này là Đạo Nhất thiết trí. Đó là chỗ nguy hiểm bậc nhất, vì rất khó vượt qua. Việc này là niềm tin, kính mến thì vì sao lại phải lo sợ?

Không thí dụ là trong cùng một lúc, không có hai Đại thừa cùng xuất hiện để so sánh nhau, thì vì sao chỉ sợ một mà lại không sợ hai?

Nói các thứ là nay Đại thừa này, chẳng phải chỉ nói không, nhưng cũng nói nhóm Đại phước trí. Ông nên hiểu rõ ý đó. Vì sao ông chỉ sợ cái không? Nói tiếp trong các lúc, quyết định tiếp tục nói pháp không, chứ chẳng phải pháp mà ông vừa nghe, thì vì sao lại sợ?

Nói nhiều môn là trong kinh nói nhiều môn khác nhau nhằm nói về công dụng quan trọng của Đại thừa, là phá hết các phân biệt để có trí vô phân biệt. Nếu nói những gì khác thì không có công dụng, nghĩa là Như lai chỉ nói không, mà không nói như pháp tánh thật tế, v.v... Đã nói có nhiều pháp môn thì vì sao chỉ sợ pháp không?

Chẳng phải có như văn nghĩa, là giáo pháp Đại thừa sâu rộng không như văn nghĩa nói. Thế thì vì sao ông lại theo văn để hiểu nghĩa, rồi lại sợ không?

Thể Chư Phật sâu xa là Phật tính sâu xa, thật khó nhận biết, nên phải hiểu cho sáng tỏ. Việc ấy vì sao phải lo sợ? Do những nhân duyên như vậy, cho nên người thông minh chánh quán thì, đối với Đại thừa, không nên sợ hãi. Đã nói lý do không nên sợ hãi, kể là, sẽ nói về ai là người có công năng thực hành pháp trí này? Kệ rằng:

*Theo kế văn, tư, tu,
Đắc pháp và đắc tuệ.
Trí này hành pháp này,
Chưa được, chớ chẳng hủy.*

Giải thích: Nếu ai, từ đầu, nương vào bậc thiện tri thức, thì phát sinh nghe đúng, sau đó, đối với cảnh giới chân thật, được phát sinh chính trí. Rồi từ ba công năng ấy, được chứng pháp quả. Sau cùng, từ công năng và pháp quả trên mà phát sinh trí giải thoát. Với trí này, người ấy sẽ thâm nhập và thực hành pháp này trong thời gian lâu dài. Nếu ông tự xét thấy không có trí này, thì không nên nói chắc rằng giáo pháp Đại thừa không phải Phật nói.

Đã nói ai là người có công năng thực hành pháp trí này, kế là pháp cú trong bài kệ này sẽ ngăn được sợ hãi, Kệ rằng:

*Không hiểu, hiểu không sâu,
Sâu, chẳng suy lường hiểu.
Hiểu sâu được giải thoát,
Các sợ không như thế.*

Giải thích: Không hiểu, nếu ông nói giáo pháp sâu xa như vậy, không phải là pháp mà tôi có thể hiểu nổi, nên tôi lo sợ, điều ấy không đúng.

Hiểu không sâu, nếu ông nói cái hiểu của Phật cũng không sâu. Nếu Phật hiểu biết sâu, sao ông lại bảo không sâu, rồi sinh tâm lo sợ. Điều ấy không đúng.

Hiểu sâu chẳng phải nghĩ lường mà hiểu: là nếu ông nói vì sao cái hiểu sâu này không phải là thuộc lãnh vực suy lường, rồi sinh tâm lo sợ. Điều ấy không đúng.

Hiểu sâu được giải thoát là nếu ông nói vì sao chỉ hiểu được nghĩa sâu này mới có công năng giải thoát, chứ giải thoát không dành cho kẻ suy lường, rồi sinh tâm lo sợ, điều ấy không đúng. Như vậy, đã ngăn dứt sự sợ hãi bằng pháp cú ở trên. Kế là, do không tin nên thành lập Đại thừa, Kệ rằng:

*Do tin, giới: bạn nhỏ,
Không hiểu Đại pháp sâu.
Do ông không hiểu rõ,
Ta thành Thừa Vô thượng.*

Giải thích: Do lòng tin nhỏ có nghĩa là lòng tin hẹp hòi kém cỏi.

Lãnh vực nhỏ là hạt giống huân và A-lại-da nhỏ bé.

Bạn nhỏ là bạn bè bà con của lòng tin tương tự. Ai có ba việc nhỏ

nói trên thì không tin có Đại thừa riêng. Vì không có lòng tin ấy, nên pháp mà ta lập là pháp Vô thượng. Đã nói về việc thành lập Đại thừa. Kế là nói về việc ngăn dứt chệch Đại thừa. Kế rằng:

*Theo nghe mà được giác,
Chưa nghe, chớ chệch bại.
Vô lượng pháp chưa nghe,
Người chệch thành nghiệp si.*

Giải thích: Nếu được nghe ít mà ông giác ngộ thì không nên theo sự nghe đó mà sinh tâm nói xấu. Đối với giáo pháp ông chưa nghe, nên không tin, còn có thể được. Vì sao? Vì không chứa nhóm điều lành.

Chưa nghe là phải cẩn thận rất lắm, chớ nói xấu chệch bại. Nếu ông vô phân biệt rõ mà còn chệch bại thì chỉ tăng thêm nghiệp ngu khờ mà thôi, vì ông đã tự phá hoại giáo pháp mà trước đây ông được nghe.

Đã ngăn dứt việc chệch bại giáo pháp Đại thừa, kế là nói về ngăn dứt việc tà tư. Kế rằng:

*Khi theo văn hiểu nghĩa,
Sư tâm mất chân tuệ,
Chệch bại coi thường pháp,
Do đó, sinh lỗi to.*

Giải thích: Sư Tâm là chấp chặt tri kiến của mình, đó không phải là người khôn, vì chỉ tìm nghĩa có một phía.

Mất chân tuệ là cái hiểu chân thật chưa có nên lui sụt. Nói lời gièm chệch là nói xấu đối với kẻ nói điều lành.

Coi thường pháp là: Ganh ghét người được nghe pháp, do chấp vào việc làm không phước đức ấy nên thân sau chịu quả khổ sâu nặng. Đó gọi là tội lỗi rất lớn.

Đã nói về việc ngăn dứt tư duy xấu. Kế là sẽ nói về ý ác, phải ngăn dứt. Kế rằng:

*Ý ác, tự tính ác,
Không để sinh bất thiện,
Hướng đời đổi điều thiện,
Phải bỏ lỗi to ấy.*

Giải thích: Ý ác là tâm ganh ghét. Tự tính ác là tâm ấy là tự tính tội. Đối với giáo pháp còn không để sinh lỗi lầm, hướng chi trong giáo pháp mà sinh lỗi lầm? Cho nên phải mau dứt bỏ các lỗi ấy.
